TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2022/HNGĐ-ST
Ngày 11 - 8- 2022
V/v ly hôn giữa
Chị N và anh L

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Ngọc Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Hùng;

Bà Nguyễn Thị Minh Huệ.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tùng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà: bà Khổng Thị Tươi - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2022/TLST-HNGĐ, ngày 21/6/2022; về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22/7/2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị N, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Xóm 8, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

* *Bị đơn*: Anh Mai Ngọc L, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Xóm 8, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa chị N và anh L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Mai Ngọc L kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã X ngày 22/11/2019. Sau khi cưới vợ chồng chung sống không mấy hạnh phúc, anh không quan tâm đến gia đình và chị; mặt khác vợ chồng lâu không có con nên tình cảm càng lạnh nhạt, vợ chồng sống ly thân đã hơn nửa năm nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn được nên chị xin ly hôn anh L.

Về con chung: Anh chị chưa có con chung thai nghén gì với nhau.

Về tài sản, nghĩa vụ tài sản của vợ chồng*:* chị không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Chị có đơn xin xét xử vắng mặt .

Anh Mai Ngọc L vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án thông báo nhiều lần tham gia tố tụng nhưng anh vẫn không có mặt. Bà Đặng Thị T là mẹ đẻ anh L có lời khai xác nhận: Chị N là con dâu của bà. Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản Tòa gửi cho anh L thì bà và anh L đều đã nhận được. Anh L và chị N cưới nhau có đăng ký tại UBND xã X ngày 22/11/2019. Anh chị phát sinh mâu thuẫn là cưới nhau lâu không có con. Chị N đã về nhà mẹ đẻ ở. Hai bên ít quan tâm đến nhau. Anh L và gia đình bà đề nghị cho anh chị ly hôn để cho anh chị lo hạnh phúc riêng. Bản thân anh chị theo bà biết chưa có con chung, không có tài sản chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và Nguyên đơn kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đầy đủ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành nghiêm trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Mai Ngọc L

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị N và anh Mai Ngọc L là hợp pháp. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, chủ yếu là do chưa có con chung.Trong quá trình giải quyết vụ án anh không về tham gia tố tụng nên cơ hội gặp chị N hàn gắn tình cảm càng khó khăn. Do đó chấp nhận yêu cầu của chị N, giải phóng cho hai bên tự lo cuộc sống riêng của họ.

[3]. Về việc nuôi con chung anh chị chưa có, về tài sản công nợ chung chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí: chị N phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 228; điểm b

khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội cùng Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Mai Ngọc L

2. Về án phí: chị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại biên lai thu số 0003009 ngày 21/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường; chị N đã nộp đủ án phí ly hôn.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống hợp hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Tỉnh+ Huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã X;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Ngọc Quỳnh